

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: *776* /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày 10 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2017
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về Giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách Nhà nước phục vụ công tác định giá đất; Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 147/TTr-STNMT ngày 26 tháng 4 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

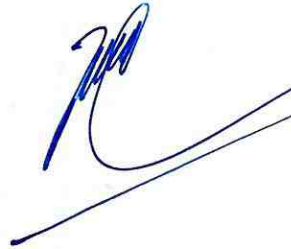


Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, KTKH (TT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Thanh Tùng

KẾ HOẠCH

Định giá đất cụ thể năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 776/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2017 đối với các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê; Dự án quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ:

- Tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013;

- Xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê;

- Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng.

b) Chủ động trong việc tổ chức thực hiện, bảo đảm kịp thời, đáp ứng tiến độ của các dự án và làm cơ sở để bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước cho việc tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể.

2. Yêu cầu

Việc xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phải được thực hiện khách quan, công bằng, kịp thời, công khai và đúng theo quy định của pháp luật, bảo đảm nguyên tắc và phương pháp định giá đất theo quy định tại Điều 112 Luật Đất đai năm 2013. Việc lựa chọn đơn vị tư vấn định giá đất phải có đủ năng lực, đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Đất đai.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Số dự án cần định giá đất cụ thể trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh là 169 dự án (Bao gồm: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; các dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê và dự án quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều

114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (*tính theo giá đất trong bảng giá đất*) trên 10 tỷ đồng).

Việc xác định giá đất cụ thể thực hiện theo các phương pháp: So sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư để xác định giá đất chi tiết đến từng thửa đất. Đối với các dự án có các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau thì giá đất cụ thể được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2, Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

2. Dự kiến các dự án phải thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất cụ thể là 169 dự án. Trong đó:

- Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất là **126** dự án.

- Dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê và dự án quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (*tính theo giá đất trong bảng giá đất*) trên 10 tỷ đồng là **43** dự án.

3. Tiến độ thời gian định giá đất cụ thể các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

- Quý I: Gồm 23 dự án/8 huyện, thị xã.
- Quý II: Gồm 35 dự án/8 huyện, thị xã.
- Quý III: Gồm 33 dự án/8 huyện, thị xã.
- Quý IV: Gồm 35 dự án/8 huyện, thị xã.

(Có biểu chi tiết các dự án kèm theo)

Đối với những dự án, công trình UBND các huyện, thị xã đã đăng ký thực hiện năm 2016 tại Quyết định số 725/2016/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2016 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông mà chưa thực hiện, UBND tỉnh cho phép UBND các huyện, thị xã tiếp tục được thực hiện vào năm 2017.

4. Tiến độ thời gian định giá đất cụ thể các dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê và dự án quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (*tính theo giá đất trong bảng giá đất*) trên 10 tỷ đồng (bao gồm: Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV): 43 dự án/8 huyện, thị xã.

5. Kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể

a) Thực hiện theo Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự

toán ngân sách Nhà nước phục vụ công tác định giá đất; Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Nguồn kinh phí thực hiện:

- Bố trí từ nguồn kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 4, Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất);

- Kinh phí để thực hiện xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê; các trường hợp quy định tại Điều 172 và Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng, được bố trí từ ngân sách Nhà nước (theo quy định tại Khoản 4, Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về Giá đất);

c) Ước tính kinh phí trung bình xác định giá đất cụ thể đối với các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

- Đối với Đất ở: Khoảng 28.070.000 đồng/dự án (Hai mươi tám triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng trên một dự án).

- Đối với Đất Phi nông nghiệp: Khoảng 31.533.000 đồng/dự án (Ba mươi một triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn đồng trên một dự án).

- Đối với Đất nông nghiệp: khoảng 24.608.000 đồng/dự án (Hai mươi tư triệu, sáu trăm linh tám nghìn đồng trên một dự án).

Tổng kinh phí định giá đất cụ thể của 126 dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (ước tính kinh phí theo đất nông nghiệp) là: 126 dự án x 24.608.000 đồng/dự án = 3.100.608.000 đồng (Ba tỷ, một trăm triệu, sáu trăm linh tám nghìn đồng).

6. Kế hoạch và kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

a) Kế hoạch và kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể (ước tính kinh phí theo đất nông nghiệp):

- Quý I: 565.984.000 đồng/23 dự án.

- Quý II: 861.280.000 đồng/35 dự án.

- Quý III: 812.064.000 đồng/33 dự án.

- Quý IV: 861.280.000 đồng/35 dự án.

b) Thời gian định giá đất cụ thể của các dự án: Được thực hiện sau khi ban hành Thông báo thu hồi đất của cấp có thẩm quyền.

7. Kế hoạch và kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể các dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có

thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê và dự án quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng.

a) Kế hoạch và kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể (bao gồm: Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV): 43 dự án/8 huyện, thị xã.

b) Thời gian định giá đất cụ thể của các dự án: Được thực hiện sau khi có Quyết định phê duyệt hoặc Văn bản chấp thuận hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư hoặc Quyết định giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức thực hiện thẩm tra việc xác định giá đất cụ thể đối với các dự án theo Kế hoạch này.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả việc xác định giá đất cụ thể và phương án giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất.

c) Trình Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh thẩm định hồ sơ, phương án giá đất cụ thể; hoàn thiện phương án giá đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

d) Tổng hợp, bổ sung vào Kế hoạch các công trình, dự án cấp bách khi được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận, trình UBND tỉnh quyết định.

đ) Tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể hoặc lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất theo quy định.

e) Lưu trữ toàn bộ kết quả định giá đất cụ thể tại Sở; thống kê, tổng hợp và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả định giá đất cụ thể năm 2017 tại địa phương trước ngày 15/01/2018.

2. Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh

- Sở Tài chính là cơ quan thường trực có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ phương án giá đất cụ thể; tổ chức họp Hội đồng để thẩm định phương án giá đất, ban hành văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất;

- Thẩm định dự toán định giá đất cụ thể theo khối lượng thực tế của từng dự án để làm căn cứ thanh toán cho tư vấn định giá đất (đối với các dự án do UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê; dự án quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng;

- Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã và đơn vị có liên quan về sử dụng kinh phí theo nguồn phân cấp hoặc từ nguồn kinh phí dự án; tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí định giá đất cụ thể theo kế hoạch.

3. UBND các huyện, thị xã

a) Chuẩn bị các hồ sơ thửa đất cần định giá, hồ sơ gồm: Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án; thông báo thu hồi đất; sơ đồ khu đất cần định giá (khu đất thực hiện dự án; xác định vị trí, diện tích, loại đất và thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá; các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chi tiết đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng của thửa đất cần định giá).

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, đơn vị tư vấn định giá đất thực hiện định giá đất cụ thể đối với các dự án trên địa bàn theo quy định của Luật Đất đai.

c) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định dự toán định giá đất cụ thể theo khối lượng thực tế của từng dự án để làm căn cứ thanh toán cho tư vấn định giá đất (đối với các dự án do UBND các huyện, thị xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư).

4. Tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể hoặc lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất theo quy định.

5. Chủ đầu tư thực hiện dự án

a) Chuẩn bị và đảm bảo kinh phí để tổ chức thực hiện xác định giá đất cụ thể.

b) Chuẩn bị các hồ sơ thửa đất cần định giá, hồ sơ gồm: Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án; thông báo thu hồi đất; sơ đồ khu đất cần định giá (khu đất thực hiện dự án); xác định vị trí, diện tích, loại đất và thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá; các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chi tiết đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng của thửa đất cần định giá.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu UBND các huyện, thị xã, đơn vị tư vấn định giá đất phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để được hướng dẫn giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Trương Thanh Tùng

Phụ lục

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÀN THỦ HỒI ĐẤT ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số: **76/QĐ-UBND** ngày **10** tháng **5** năm **2017** của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
A	CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ I					
I	Huyện Đắk Song					
1	Trường mầm non Tạ Thị Kiều	Xã Năm N'Jang	0,10	100.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
2	Mở mới tuyến đường thôn 6, bản Đầm Gió đi thôn 6 xã Nam Bình	Xã Thuận Hà	1,10	1.100.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
3	Xây dựng nương thủy lợi Đắc Sơn 1 đi bon Ja Ry	Xã Đắc Mỏi	1,10	1.100.000.000	Vốn Ngân sách WB	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
II	Huyện Krông Nô					
1	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn	Xã Nam Xuân	1,50	600.000.000	Ngân sách huyện	Điểm d, Khoản 3, Điều 62
2	Sân vận động xã	Xã Nam Xuân	1,10	450.000.000	Ngân sách huyện	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
3	Cống thoát nước từ Quốc lộ 28 xuống đường N5 cánh đồng La Trao	Thị trấn Đắc Mám	0,12	300.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
4	Đường Đắc Mám đi đôn 759 - Tỉnh lộ 3	Thị trấn Đắc Mám	0,50	320.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
III	Huyện Cư Jút					
1	Mở rộng đường giao thông Trúc Sơn đi Cư Khia	Trúc Sơn	3,07	1.842.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
2	Mương thoát nước đường QL 14 thuộc dự án đường Hồ Chí Minh	Ea Tling	0,09	54.000.000	Vốn OAD	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
3	Trường PTTH xã Đắc Wil	Đắc Wil	1	600.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
4	Trường mầm non xã Đắc Drông	Đắc Drông	0,5	300.000.000	Ngân sách huyện	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
5	Trụ sở trung tâm thủy nông Cư Jút	Ea Tling	0,02	12.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
IV	Huyện Đắk Glong					
1	Đường vào bệnh viện đa khoa huyện Đắk Glong	Xã Quảng Khê	2,00	1.800.000.000	Vốn Ngân sách tỉnh	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
2	Trụ sở tiếp công dân huyện Đắk Glong	Xã Quảng Khê	0,30	1.200.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
3	Trường Hoàng Văn Thụ	Xã Quảng Sơn	1,80	1.000.000.000	Vốn Ngân sách tỉnh	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
V	Huyện Tuy Đức					
1	Quy hoạch cấp đất sản xuất bổ sung cho các hộ dân thuộc dự án 1541	Xã Đắk Ngo	30	531.300.000	Ngân sách tỉnh	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
2	Dự án Quy hoạch ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trục (mở rộng) - giai đoạn 2	Xã Quảng Trục	20	14.000.000.000	Ngân sách Trung ương	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
3	Mở rộng Trường THPT Lê Quý Đôn	Xã Đắk Buk So	0,02	40.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
4	Trường cấp II, bon Philte	Xã Đắk Ngo	0,12	240.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
5	Trường Mầm non Hoa Đào (4 phòng)	Xã Đắk Ngo	0,04	80.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
6	Nhà ăn tập thể + nhà kho + phòng tiếp dân (trường Hoa Phượng: 2 phòng)	Xã Đắk Buk So	0,02	40.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
7	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong (3 phòng)	Xã Đắk Buk So	0,03	35.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
8	Đường vào trường Mầm non Hoa Hồng	Xã Đắk Buk So	0,2	200.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
B	CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ II					
I	Thị xã Gia Nghĩa					
1	Lưới điện nông thôn	thị xã	0,2	230.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
II	Huyện Đắk Mil					
1	Hồ Bắc Sơn 1 (Ngập úng phần thượng lưu)	xã Đắk Gằn	2,00	1.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
2	Lưới điện nông thôn	Toàn huyện	0,4	230.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
III	Huyện Đắk Song					
1	Hoa viên ngã ba QL 14 - QL 14C	Xã Thuận Hạnh	0,41	410.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
2	Đường vào nhà Văn hóa tổ dân phố 2	Thị trấn Đức An	0,70	200.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
3	Đường lên trụ sở xã Nam Bình	Xã Nam Bình	0,07	100.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
IV	Huyện Krông Nô					
1	Chi cục thuế huyện	Thị trấn Đắk Mâm	0,30	335.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
2	Lưới điện nông thôn	Toàn huyện	0,2	230.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
3	Mở rộng trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Thị trấn Đắk Mâm	0,10	120.000.000	Ngân sách huyện	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
V	Huyện Cư Jút					
1	Đất giao thông trong khu dân cư tổ dân phố 3	Ea Tling	11,49	6.894.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
2	Đất thể thao trong khu dân cư tổ dân phố 3	Ea Tling	2	1.200.000.000	Ngân sách huyện	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
3	Đất văn hóa trong khu dân cư tổ dân phố 3	Ea Tling	7,99	4.794.000.000	Ngân sách huyện	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
4	Khu dân cư tổ dân phố 3	Ea Tling	19,86	11.916.000.000	Ngân sách huyện	Điểm d, Khoản 3, Điều 62
5	Đất trụ sở trong khu dân cư tổ dân phố 3	Ea Tling	1,05	630.000.000	Ngân sách huyện	Điểm c, Khoản 3, Điều 62

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
VI	Huyện Đắk Glong					
1	Đập Suối Đá, xã Quảng Hòa	Xã Quảng Hòa	11,00	10.000.000.000	Ngân sách trung ương	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
2	Mở rộng trường mẫu giáo Hoa Hồng	Xã Quảng Khê	0,15	500.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
3	Phân hiệu trường Nguyễn Trãi	Xã Đắk Ha	1,20	1.000.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 63
VII	Huyện Đắk R'lấp					
1	Tiêu dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Đắk Nông	Các xã trong địa bàn huyện Đắk R'lấp	0,10	90.000.000	Vốn Tập đoàn điện lực	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
2	Dự án xây dựng trạm biến áp 220 kv Đắk Nông và hướng tuyến đường dây 220 kV, 22 kV đầu nối	Xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp	7,40	6.000.000.000	Vốn Tập đoàn điện lực	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
3	Dự án đường nội thị trấn Kiến Đức	Huyện Đắk R'lấp	5,00	2.000.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
4	Dự án cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đắk R'lấp	9,46	9.460.000.000	Vốn Tập đoàn điện lực	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
5	Trạm biến áp 110 Kv	Xã Kiến Thành	4,00	4.000.000.000	Vốn Tập đoàn điện lực	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
6	Thu hồi bỏ sung tuyến đường trục chính đầu nối từ QL 14 vào khu công nghiệp Nhân Cơ	Xã Nhân Cơ	0,57	500.000.000	Vốn ngân sách tỉnh	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
7	Đường dây 110 Kv Gia Nghĩa Nhân Cơ	Xã Nhân Cơ	0,05	500.000.000	Vốn Tập đoàn điện lực	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
8	Lưới điện nông thôn	Toàn huyện	0,2	230.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
9	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 14 đoạn km817-km887	Toàn huyện	1,0	1.000.000.000	Vốn BOT	Điểm b, Khoản 3, Điều 63

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
10	Đường vào nghĩa trang liệt sỹ huyện	TT Kiến Đức	0,3	300.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
VIII	Huyện Tuy Đức					
1	Trường Tiểu học Lê Lợi	Xã Quảng Tâm	0,6	600.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
2	Đường vào sân trường Hoà Mi điểm lẻ	Xã Quảng Tâm	0,2	200.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
3	Cải tạo đường dây trung áp từ 2 pha lên 3 pha chiều dài tuyến 1,2 km, cải tạo đường dây hạ áp 0,4 kv chiều dài tuyến 1,5 km thôn 2, xã Quảng Tân	Xã Quảng Tân	0,296	300.000.000	Vốn ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
4	Cấy trạm 100 kA để giảm bán kính cấp điện hạ áp TBA T154-180KVA (ĐD741 Đak Song) và xây mới 600 mét đường dây hạ áp (ABC4X120mm ²) Bon Bu Sốp, xã Quảng Trực	Xã Quảng Trực	0,06	120.000.000	Vốn ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
5	Xây dựng mới hai nhánh rẽ trung áp chiều dài tuyến 0,8 km, nhánh rẽ 01 đầu nối tại trụ 500/182/10/67 ĐD471 Đak Song chiều dài 0,2 km sử dụng trụ cột BTLT 10.5m dây AC 95mm ² thôn 1, thôn 5 xã Quảng Tâm	Xã Quảng Tâm	0,096	200.000.000	Vốn ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
6	Cây trạm 100KVA và xây dựng 0,2 km đường dây hạ áp để san tải cho TBA T12 và T184 (ĐD471 Đăk Song) thôn 6, xã Đăk Buk So	Xã Đăk Buk So	0,02	40.000.000	Vốn ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
7	Xây dựng mới đường dây trung áp 22 Kv với chiều dài 0,6 km đầu nối tại trụ 236 (ĐD471 ĐăkR'Láp) sử dụng cột BTLT 10.5m dây AC 95mm2 thôn 3 xã Quảng Tân	Xã Quảng Tân	0,072	140.000.000	Vốn ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
8	Xây dựng mới TBA 50KVA-22/0,4kV (ĐD471 Đăk Song) chiều dài tuyến 0,8km thôn 4 xã Quảng Trục	Xã Quảng Trục	0,08	160.000.000	Vốn ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
A	CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ III					
I	Thị xã Gia Nghĩa					
1	Đường dây điện cao thế, trung áp, hạ áp, trạm điện	Các phường, xã	2,00	360.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
2	Trường MN Hoa Bưởi (mở rộng)	P. Nghĩa Thành	0,02	3.600.000	Vốn ngân sách thị xã	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
3	Đường từ ngã 3 thôn Tân Bình đến cuối đường Lê Hồng Phong	Xã Đăk R'moan và phường Nghĩa Phú	0,50	220.000.000	Vốn ngân sách thị xã	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
4	Hạ tầng xã hội (điểm trường tiểu học, mầm non, điểm y tế, sinh hoạt cộng đồng thôn) thuộc dự án ổn định dân di cư tự do	Xã Quảng Thành	3,00	3.000.000.000	Vốn ngân sách thị xã	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phường Nghĩa Tân (thuộc vị trí quy hoạch khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Đăk Nông)	P.Nghĩa Tân	5,00	9.000.000.000	Vốn ngân sách thị xã	Điểm d, Khoản 3, Điều 62
II	Huyện Đăk Mil					

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khả toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
1	Hệ thống kênh mương, giao thông nội đồng	Toàn huyện	2,00	1.500.000.000	Vốn ADB	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
2	Đường giao thông nội vùng dự án tái định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Đăk Rla	xã Đăk Rla	2,00	1.500.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
3	Tiểu dự án giảm cường độ phát tải trong cung cấp năng lượng tỉnh Đăk Nông (diện tích chiếm đất vĩnh viễn)	Toàn huyện	0,0710	14.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
4	Quảng trường huyện	TT Đăk Mil	0,1500	14.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
III	Huyện Đăk Song					
1	Đường vào Hội trường thôn 8	Xã Nam Bình	0,09	120.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
2	Xây dựng chợ biên giới xã Thuận Hạnh	Xã Thuận Hạnh	0,50	500.000.000	Ngân sách huyện	Điểm d, Khoản 3, Điều 62
3	Khu dân cư phía Đông huyện	TT.Đức An, xã Nam Bình, xã Đăk Hòa	15,00	15.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm d, Khoản 3, Điều 63
IV	Huyện Krông Nô					
1	Trung tâm xã Đức Xuyên (Chỉnh trang khu dân cư nông thôn)	Xã Đức Xuyên	2,60	2.200.000.000	Ngân sách huyện	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
V	Huyện Cư Jút					
1	Khu sản xuất, chế biến nông tập trung tại xã Nam Dong	Nam Dong	35,5	21.300.000.000	Ngân sách huyện	Điểm d, Khoản 3, Điều 62
2	Mở rộng UBND xã Ea Pô	Ea Pô	0,03	18.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
3	Mở mới đường giao thông thôn 1 xã Trúc Sơn	Trúc Sơn	0,03	18.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
4	Nhà văn hóa TDP 2	Ea Tling	0,04	24.000.000	Ngân sách huyện	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
5	Nhà văn hóa TDP 4	Ea Tling	0,03	18.000.000	Ngân sách huyện	Điểm c, Khoản 3, Điều 62

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
6	Nhà văn hóa TDP 5	Ea Tling	0,03	18.000.000	Ngân sách huyện	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
VI	Huyện Đắk Glong					
1	Trường mẫu giáo Hoa Đào	Xã Đắk Som	0,50	400.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
2	Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Xã Đắk Som	0,36	500.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 63
3	Mở rộng trạm y tế xã Quảng Sơn	Xã Quảng Sơn	0,03	500.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 64
VII	Huyện Đắk R'Lấp					
1	Dự án khu dân cư trong thị trấn Kiến Đức	TT Kiến Đức, huyện Đắk R'Lấp	2,00	2.000.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm d, Khoản 3, Điều 62
2	Bến xe	Xã Kiến Thành	2,70	2.700.000.000	Vốn huyện kêu gọi đầu tư	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
3	Các dự án tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư các dự án phát sinh	Trên địa bàn huyện	10,00	10.000.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm d, Khoản 3, Điều 62
VIII	Huyện Tuy Đức					
1	Xây dựng mới TBA 50KVA-22/0,4kV tại trụ 116/33 (ĐD474 ĐắkR'Lấp) chiều dài 450m thôn 1 xã Đắk R'Tìh	Xã Đắk R'Tìh	0,044	80.000.000	Vốn ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
2	Xây trạm 100kVA 22/0,4kV và xây dựng 0,6km đường dây hạ áp để san tải cho TBA T255 và T184 (ĐD474 ĐắkR'Lấp) thôn 4, xã Đắk R'Tìh	Xã Đắk R'Tìh	0,06	120.000.000	Vốn ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
3	Xây dựng mới đường dây hạ áp 0,4 chiều dài tuyến 1,2 km, sử dụng dây ABC4x120mm ²	Xã Đắk R'Tìh	0,12	1.200.000.000	Vốn ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
4	Xây dựng mới đường dây hạ áp 0,4 chiều dài tuyến 0,8 km, sử dụng dây ABC4x120mm ²	Xã Đắk R'Tih	0,08	160.000.000	Vốn ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
5	Xây dựng mới đường dây hạ áp 0,4 chiều dài tuyến 0,6 km, sử dụng dây ABC4x120mm ²	Xã Đắk R'Tih	0,06	120.000.000	Vốn ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
6	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (2 phòng + 2CN)	Xã Quảng Tân	0,05	100.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
7	Lưới điện nông thôn	Toàn huyện	0,2	230.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
8	Trường THCS Đắk Búk So (4 phòng và trang thiết bị)	Xã Đắk Búk So	0,08	160.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
B	CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ IV					
I	Thị xã Gia Nghĩa					
1	Mở rộng trường TH Lê Hồng Phong	P. Nghĩa Thành	0,60	108.000.000	Vốn ngân sách thị xã	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
2	Tiểu dự án giảm cường độ phát tải trong cung cấp năng lượng tỉnh Đắk Nông (diện tích chiếm đất vĩnh viễn)	thị xã	0,0141	10.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
3	Trụ sở làm việc chung cho các hội	P. Nghĩa Đức	0,22	500.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
4	Taluy bảo vệ đường Võ Văn Kiệt (hành lang an toàn công trình đường Võ Văn Kiệt)	P.Nghĩa Trung	0,06	10.800.000	Vốn ngân sách thị xã	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
5	Đầu tư sản xuất và chế biến nông nghiệp tập trung	Xã Đắk Nĩa	10,00	12.600.000.000	Vốn Kêu gọi đầu tư	Điểm d, Khoản 3, Điều 62
6	Xây dựng Trường THCS Phạm Hồng Thái	Xã Đắk Nĩa	1,00	2.000.000.000	Vốn ngân sách thị xã	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
II	Huyện Đắk Mil					
1	Trường tiểu học Lý Tự Trọng phân hiệu thôn Đức Đoàn	Xã Đức Minh	1,00	1.000.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
2	Trụ sở Đội quản lý thị trường huyện Đắk Mil	TT Đắk Mil	0,15	250.000.000	Ngân sách tỉnh	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
III	Huyện Đắk Song					
1	Tiểu dự án giảm cường độ phát tải trong cung cấp năng lượng tỉnh Đắk Nông (diện tích chiếm đất vĩnh viễn)	Toàn huyện	0,0110	10.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
2	Lưới điện nông thôn	Toàn huyện	0,2	230.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
IV	Huyện Krông Nô					
1	Hội trường thôn	Xã Năm Nung	0,40	220.000.000	Nông thôn mới	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
2	Mở rộng trường mầm non Vàng Anh	Xã Nam Xuân	0,06	280.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
V	Huyện Cư Jút					
1	Nhà văn hóa TDP 8	Ea Tling	0,03	18.000.000	Ngân sách huyện	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
2	Nhà văn hóa thôn 1	Ea Pô	0,72	432.000.000	Ngân sách huyện	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
3	Tiểu dự án giảm cường độ phát tải trong cung cấp năng lượng tỉnh Đắk Nông (diện tích chiếm đất vĩnh viễn)	Toàn huyện	0,0218	20.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
4	Lưới điện nông thôn	Toàn huyện	0,2	230.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
5	Đường dây mạch đơn trạm 220 kv Buôn Kuốp - Krông Nô	Ea Tling	0,2	102.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
6	Mở rộng đường giao thông TDP8 sau khu dân cư	Ea Tling	0,5	300.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
7	Mở rộng đường Phạm Văn Đồng	Ea Tling	0,07	100.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
VI	Huyện Đắk Glong					
1	Đường giao thông vòng quanh chợ đến đường vào bệnh viện	Xã Quảng Khê	0,20	200.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 64
2	Nhà văn hóa thôn Đắk Snao	Xã Quảng Sơn	0,15	500.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm c, Khoản 3, Điều 64
3	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Xã Quảng Khê	11,70	11.000.000.000	Vốn doanh nghiệp kêu gọi đầu tư	Điểm d, Khoản 3, Điều 62
4	Lưới điện nông thôn	Toàn huyện	0,2	230.000.000	Vốn Ngành điện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
VII	Huyện Đắk R'Lấp					
1	Xây dựng mới trụ sở xã Kiến Thành	Xã Kiến Thành	1,00	1.000.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
2	Chợ trung tâm xã Đắk Ru	Xã Đắk Ru	1,00	1.200.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm c, Khoản 3, Điều 62
3	Hạ tầng khu dân cư số 2	TT Kiến Đức, xã Kiến Thành	5,00	5.000.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm d, Khoản 3, Điều 62
4	Hạ tầng khu dân cư số 3	TT Kiến Đức, xã Kiến Thành	5,00	5.000.000.000	Vốn ngân sách huyện	Điểm d, Khoản 3, Điều 62
VIII	Huyện Tuy Đức					
1	Trường MN Hoa Pơ Lang - điểm lẻ thôn 3 (2 phòng học)	Xã Đắk Búk So	0,05	100.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
2	Trường MN Hoa Mai (2 phòng học và nhà ăn)	Xã Đắk R'Tih	0,02	40.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
3	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm (điểm lẻ bản Đoàn Kết); hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Xã Đắk Ngo	0,05	100.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62
4	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (2 phòng + 3CN và tường rào)	Xã Đắk R'Tih	0,04	80.000.000	Ngân sách huyện	Điểm a, Khoản 3, Điều 62

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB	Nguồn vốn	Ghi chú
5	Đường lên trường MN Hoa Ban (điểm lẻ bán Đoàn kết); hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Xã Đăk Ngo	0,15	300.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
6	Đường lên trường MN Hoa Hồng; hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Xã Đăk Búk So	0,14	280.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62
7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới	Xã Quảng Trục, xã Đăk Ngo	50	15.000.000.000	Ngân sách trung ương	Điểm d, Khoản 3, Điều 63
8	Nâng cấp mở rộng hội trường chung và Cổng chào huyện Tuy Đức	Xã Đăk Búk So	0,18	30.000.000	Ngân sách huyện	Điểm b, Khoản 3, Điều 62

(Ghi chú: Diện tích, vị trí các dự án trong danh mục các dự án cần thu hồi đất có thể thay đổi khi triển khai đo đạc ngoài thực địa)